

GIỚI THIỆU VỀ CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO DẦU KHÍ NGĂN CHẶN VÀ VƯỢT QUA CÁC CUỘC KHỦNG HOẢNG CỦA MỘT SỐ NƯỚC

1. Lý thuyết Hiện thực và chính sách ngoại giao dầu khí

Hiện nay, dầu khí đã trở thành một loại năng lượng mang tính chiến lược, là “nguồn máu” nuôi sống ngành công nghiệp, an ninh của nó gắn liền với cuộc sống, an ninh và an toàn của một quốc gia. Bất kỳ một cuộc khủng hoảng dầu khí nào (cho dù là khủng hoảng do giá dầu tăng trong các giai đoạn trước hay cuộc khủng hoảng do giá dầu giảm như hiện nay) đều gây ra những tác động tiêu cực và tích cực cho nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế của mỗi quốc gia nói riêng. Khi khủng hoảng giá dầu tăng, các nước sản xuất và xuất khẩu dầu được hưởng lợi nhiều, còn các nước nhập khẩu rơi vào tình trạng sản xuất đình đốn, suy thoái, cán cân thương mại thâm hụt nặng; trong khi khủng hoảng giá dầu giảm làm cho những nền kinh tế vốn phụ thuộc và phải nhập khẩu nhiều dầu khí có cơ hội phát triển, còn các nước sản xuất và xuất khẩu dầu mở điều đứng như đã phân tích. Đó là lý do tại sao thế giới đang chứng kiến cuộc chạy đua để thực thi chính sách ngoại giao dầu khí giữa các nước, nhất là các nước lớn, làm cho quan hệ quốc tế thêm phức tạp và đa dạng. Do vậy, trên thế giới đã xuất hiện một phạm trù mới trong nền chính trị quốc tế đương đại, đó là chính sách “ngoại giao dầu khí” trong quan hệ quốc tế.

Chính sách “ngoại giao dầu khí” của các nước được tiến hành tuân theo lý thuyết Hiện thực, theo đó: thứ nhất, cấu trúc hệ thống dầu khí quốc tế và vị trí thứ bậc quyền lực trong thị trường dầu mỏ quốc tế sẽ quyết định chính sách “ngoại giao dầu khí” của mỗi nước. Cấu trúc hệ thống quốc tế đơn cực, lưỡng cực hay đa cực sẽ quyết định việc các quốc gia đối xử với nhau như thế nào. Đồng thời, vị trí và vai trò của một quốc gia trong cấu trúc hệ thống sẽ cho biết nhiều điều về chính sách đối ngoại của quốc gia đó. Ví dụ, cường quốc sản xuất và xuất khẩu dầu mỏ sẽ có thiên hướng chi phối không gian chiến lược xung quanh họ, trong khi nước nhỏ (cả về cung và cầu) sẽ tìm cách thích nghi và trong nhiều trường hợp phải chấp nhận sống chung với lũ. Đây chính là cơ sở để nhiều nhà phân tích và hoạch định chính sách đối ngoại bấy lâu nay vẫn duy trì

nhận định rằng, quan hệ quốc tế chủ yếu là quan hệ giữa các nước lớn. Không chỉ dừng lại ở lý thuyết, bên cạnh việc kêu gọi một trật tự thế giới công bằng, bình đẳng hơn, các quốc gia nhỏ thường có xu hướng ưu tiên quan hệ với các nước lớn trên thực tế. Như vậy, từ góc độ này, cấu trúc quyền lực của hệ thống dầu khí quốc tế sẽ cung cấp thêm ít nhất một cơ sở thuyết phục trong quá trình phân tích chính sách đối ngoại của các quốc gia.

Thứ hai, nền chính trị dầu khí quốc tế luôn ở trong tình trạng cạnh tranh và khả năng dẫn đến xung đột từ sự tranh đó sẽ khiến các quốc gia luôn phải chủ động chuẩn bị cho tình huống xấu nhất. Theo thuyết hiện thực, chính trị quốc tế, trong đó có chính trị dầu khí quốc tế, “đầy rẫy những mối đe dọa” đối với an ninh quốc gia. Thế giới vận hành một cách vô chính phủ, nghĩa là không có quyền lực nào đứng trên các quốc gia có thể quyết định các vấn đề liên quan đến lợi ích quốc gia. Liên hợp quốc, các tổ chức quốc tế và khu vực (trong đó có OPEC) chỉ hoạt động trên nguyên tắc ủy thác chủ quyền từ các quốc gia, không phải là chính phủ thế giới hay chính phủ khu vực. Trong bối cảnh đó, các quốc gia đều phải dựa vào nguyên tắc “tự lực cánh sinh”, trước hết để bảo đảm an ninh. Theo thuyết Hiện thực, các quốc gia sẽ không có xu hướng nhìn xa trong quan hệ với nhau, họ chỉ quan tâm đến các lợi ích trước mắt và do vậy, quá trình hợp tác hay ở mức cao hơn là liên minh hoàn toàn phụ thuộc vào tính toán lợi ích vị kỷ, bởi vậy nó sẽ không có cơ sở bền vững lâu dài. Ngay cả khi có lợi ích song trùng, thuyết Hiện thực nhận định, các quốc gia vẫn khó hợp tác bền vững bởi hệ thống “tự lực cánh sinh” sẽ hạn chế sự phối hợp thực chất giữa các quốc gia. Hơn nữa, tính vô chính phủ của hệ thống quốc tế luôn tạo ra nguy cơ các quốc gia từ bỏ cam kết với các quốc gia khác.

Thứ ba, lợi ích quốc gia là nền tảng quan trọng nhất để mỗi quốc gia hoạch định chính sách “ngoại giao dầu khí của mình và vị trí của mỗi quốc gia trong hệ thống thị trường dầu khí thế giới sẽ chi phối nhận thức về lợi ích quốc gia. Đối với các nhà Hiện thực, lợi ích quốc gia luôn chi phối quyết định của các nhà hoạch định chính sách. Theo thuyết Hiện thực, các quốc gia sẽ có thiên hướng ứng xử “một cách lý tính” và “đơn nhất”. Các quốc gia phải lấy lợi ích quốc gia làm căn bản trong quá trình hoạch định chính sách bởi họ luôn lo ngại về nguy cơ các “đối tác” của họ có thể: i) lừa dối, hoặc ii) đạt được phần lợi ích

lớn hơn. Như vậy, các quốc gia còn phải quan tâm đến lợi ích tương đối chứ không chỉ lợi ích tuyệt đối. Đồng thời, quốc gia đó cũng sẽ tìm cách đạt được lợi ích nhiều hơn so với đối tác/đối thủ trong quá trình tương tác hay thương lượng với nhau. Thuyết Hiện thực cũng tin rằng, sự phân bố sức mạnh giữa các quốc gia sẽ quyết định quá trình một quốc gia nhận thức về lợi ích của quốc gia đó. Trong hệ thống vô chính phủ, an ninh sẽ là mục tiêu bao trùm của các quốc gia. Trong lợi ích an ninh, khía cạnh quan trọng nhất là năng lực khiến quốc gia trong mối tương quan với các quốc gia khác. Đây cũng là một yếu tố lợi ích vị kỷ trong chính sách đối ngoại của các quốc gia có xu hướng tăng lên chứ không giảm đi vì các nhà Hiện thực cho rằng, rất khó để “đo lường” được sức mạnh hay năng lực của quốc gia khác.

Trong bối cảnh đó, các nước có nhu cầu cao về năng lượng đang tiến hành ngoại giao song phương hoặc đa phương với các khu vực, các quốc gia có tiềm năng dầu khí dồi dào, trong khi các nước sản xuất và xuất khẩu năng lượng cũng đàm phán với nhau để duy trì lượng cung, và giá dầu thế giới đã góp phần làm rõ khái niệm “ngoại giao dầu khí” trong quan hệ quốc tế. Các chuyên ngoại giao con thoi của nguyên thủ các nước lớn như Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ đến Trung Đông, Trung Á, châu Phi càng làm cho đời sống chính trị thế giới trở nên nhộn nhịp. Dầu khí đã trở thành món hàng để các nước thực hiện các cuộc trao đổi, mua bán trên lĩnh vực chính trị. Trước sự hiện diện ngày càng sâu và rộng của Trung Quốc tại các khu vực nhiều dầu mỏ, nhất là tại “lục địa đen”, Mỹ và Tây Âu một mặt duy trì vị thế của mình ở khu vực Trung Đông (nơi cung cấp lượng dầu khí lớn cho thế giới), mặt khác cũng đẩy mạnh những hoạt động ngoại giao ở châu Phi vì không muốn mất quyền lợi dầu khí của mình khi các nguồn cấp dầu khí ở các khu vực truyền thống có nguy cơ giảm dần trong tương lai. Như vậy, ngoại giao dầu khí của các nước lớn bao gồm hai nội dung cơ bản: thứ nhất, là hành động để đảm bảo cho nguồn cung cấp, vận chuyển, tiêu dùng dầu khí của quốc gia và làm lợi cho nền kinh tế; thứ hai, hành động ngoại giao dầu khí cũng đại diện cho một nhân tố chính trị nào đó, do đó, vấn đề dầu khí bị lợi dụng, trở thành công cụ cho mục đích ngoại giao.

2. Chính sách ngoại giao dầu khí của Trung Quốc

Ở lĩnh vực “ngoại giao dầu khí”, Trung Quốc là một ví dụ điển hình. Ngoại giao dầu khí đã trở thành một trong những trụ cột quan trọng của kênh đối ngoại chính trị của Chính phủ Trung Quốc trong thế kỷ XXI. Do đó, ngay từ đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc đã có những bước đi chiến lược trong việc tiếp cận các nguồn dầu khí của thế giới. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã đề ra chính sách “hướng ngoại” để tìm kiếm nguồn dầu khí đảm bảo cho công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế đất nước. Nguyên Thủ tướng Lý Bằng trong “Chính sách năng lượng Trung Quốc” đã chỉ rõ: “Phát triển công nghiệp dầu khí phải đáp ứng nhu cầu trong nước, đi ra thế giới, lợi dụng tốt hai nguồn năng lượng, hai thị trường. Trên nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi, tham gia tích cực vào các loại hình hợp tác với các quốc gia, khu vực, tham gia tìm kiếm khai thác với các quốc gia, khu vực trên thế giới, xây dựng được thị trường nhập khẩu ổn định, đảm bảo nguồn cung ứng cho quốc gia”. Trên cơ sở đó, từ ngày 31 tháng 8 đến ngày 1-9-2004, Quốc vụ viện Trung Quốc đã khai mạc Hội nghị toàn quốc tại Bắc Kinh với nhiệm vụ bàn về công tác đối ngoại kinh tế để phát triển Trung Quốc. Khi đó, Thủ tướng Ôn Gia Bảo đã đưa ra phương châm: “dựa trên cơ sở xu thế phát triển kinh tế - chính trị thế giới, tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong nước, chiến lược công tác đối ngoại, đẩy mạnh hơn nữa nhận thức về tính quan trọng của công tác đối ngoại kinh tế;

Nguyên tắc chỉ đạo này đã thúc đẩy chính sách ngoại giao dầu khí của Trung Quốc phát triển sang giai đoạn mới. Trong những năm gần đây, các nhà lãnh đạo Trung Quốc như Hồ Cẩm Đào, Tập Cận Bình, Ngô Bang Quốc, Ôn Gia Bảo, Lý Khắc Cường, Giả Khánh Lâm/Tăng Khánh Hồng) Vương Nghị lần lượt thăng bằng loạt các quốc gia ở châu Á (Campuchia, Lào, Malaixia, Ấn Độ, Pakistan), Trung Đông (Côoét, Iran, Ảrập Xêút, Ôttian), châu Âu (Nga, Anh, Hà Lan), Trung Á (Cadácxtan, Curoguxtan, Adécbaigian), châu Phi (Nigiêria, Kênia, Gabông, Camorun, Chibi, Xuđăng, Dămbia, Namibia, Nam Phi, Môđambích và Xâysen), Nam Mỹ (Vênêxuêla, Pêru, Braxin, Chilê) và nhiều nước khác nữa với mục tiêu chủ yếu là thiết lập quan hệ hợp tác chiến lược trên lĩnh vực dầu khí. Trong các cuộc gặp gỡ cấp cao giữa lãnh đạo Trung Quốc và lãnh đạo các nước, Trung Quốc cam kết sẽ đẩy nhanh và mạnh nguồn vốn ODA cho các nước này. Ngược lại, các nước sẽ tạo điều kiện để Trung Quốc đầu tư trong các lĩnh vực kinh tế, trong đó có thăm dò và khai thác dầu mỏ, khí đốt.

Bên cạnh đó, chính sách ngoại giao dầu khí của Trung Quốc với một số nước có tiềm năng lớn về dầu khí ở khu vực Trung Á trong Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) là một bộ phận hữu cơ của chiến lược toàn diện “Liên Á”. Trung Á được đặt trong mối quan hệ với Tân Cương và các tỉnh miền Tây từ hai phương diện: chủ nghĩa ly khai dưới ngọn cờ Hồi giáo và mâu thuẫn giàu - nghèo giữa vùng duyên hải - vùng nội địa xa xôi. Đồng thời, Trung Á còn được xem xét với tư cách tiếp cận, “chính trị dầu khí” và “chính trị cân bằng quyền lực” - một yếu tố vô cùng quan trọng của Trung Quốc, về phương diện địa chính trị, Trung Quốc cũng có đường biên giới đất liền với khu vực này. Trung Quốc sẵn sàng để các nước cộng hòa Trung Á sử dụng lãnh thổ của mình (ví dụ, Thượng Hải cũng là cảng chính của Cadácxtan) để tiếp cận trực tiếp với Thái Bình Dương và có thể vươn tới Viễn Đông, Đông Nam Á. Giữa Tân Cương và các tỉnh miền Tây của Trung Quốc với các nước cộng hòa Trung Á có nhiều điểm tương đồng về trình độ phát triển kinh tế và có lợi ích chung trong hợp tác phát triển. Mẫu số chung về lợi ích, kể cả kinh tế và an ninh chính trị, là cơ sở vững chắc cho quá trình triển khai chính sách Trung Á của Trung Quốc.

Hiện nay, 80% dầu nhập khẩu của Trung Quốc là qua eo biển Malacca. Do đó, để giảm thiểu sự phụ thuộc vào tuyến vận tải quan trọng nhưng nhiều rủi ro này, Trung Quốc đã tích cực thúc đẩy các dự án xây dựng đường ống dẫn dầu qua Mianma, phát triển hệ thống đường sắt xuyên Á hay mở một “kênh đào Suez” qua miền Đông Bắc Thái Lan... Những kế hoạch khổng lồ này không chỉ giúp quốc gia đông dân nhất thế giới này đảm bảo an ninh dầu khí mà còn là một sự khẳng định vị thế và ảnh hưởng của Trung Quốc ở khu vực. Như vậy, có thể thấy, một mặt Trung Quốc mở rộng hợp tác với các đối tác mới như châu Phi, Nam Mỹ, Trung Á, mặt khác vẫn duy trì quan hệ với các đối tác truyền thống như Trung Đông, Nga, ASEAN nhằm thực hiện mục tiêu đã đề ra trong chiến lược dầu khí.

Trong chính sách ngoại giao dầu khí hiện nay của Trung Quốc, chính sách đối với Mianma được xem là một mắt xích rất quan trọng. Mianma cũng giống như hầu hết các nước Đông Nam Á khác từng là địa bàn ảnh hưởng truyền thống của Trung Quốc. Khác với nhiều nước khác trong khu vực, Mianma là nơi kết nối giao thông ngắn nhất giữa Trung Quốc với Ấn Độ Dương bằng đường bộ và

đường sông. Trong bối cảnh Trung Quốc đang gặp khó khăn vươn ra vùng nước sâu ở Thái Bình Dương do sự khống chế của liên minh Mỹ - Nhật và sự gia tăng tranh chấp ở Biển Đông, thì con đường tiếp cận với Ấn Độ Dương qua ngã Mianma thay cho qua eo biển Malacca, rồi từ đó thông thương với thế giới Ả rập và châu Phi, nơi cung cấp nguồn dầu khí lớn nhất cho Trung Quốc là hiệu quả nhất. Trung Quốc cho rằng, họ đang bị các nước lớn khác, nhất là Mỹ, bao vây về mặt chiến lược, cản trở họ trên con đường mở rộng ảnh hưởng ra toàn thế giới, trước hết là các nước xung quanh. Chính vì vậy, việc mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc tại Mianma gần giống như ở Pakixtan có khả năng cạnh tranh tốt hơn với Ấn Độ, hạn chế sự can thiệp của Mỹ và phương Tây từ mảng biên giới phía Tây Nam, đồng thời góp phần quan trọng củng cố quan hệ ASEAN - Trung Quốc, làm cho các nước Đông Nam Á lục địa trở nên gần gũi hơn với mình. Đây là lợi ích địa - chính trị chiến lược của Trung Quốc.

Bởi vậy, ngay từ năm 2003, Trung Quốc đã xây dựng căn cứ quân sự tại đảo Coco của Mianma ở Ấn Độ Dương, đối diện với Ấn Độ, đồng thời đặt một trạm nghe nhìn tại đảo Sittwe và đảo Zedetkyi Kyun để kiểm soát tuyến hàng hải qua eo biển Malacca. Căn cứ quân sự của Trung Quốc tại đảo Coco cùng với các quân cảng khác của Trung Quốc tại Gwada ở Pakixtan, Colombo ở Xri Lanca, Chittagong ở Bănglăđét tạo thành một vòng cung (quốc tế gọi là “chuỗi ngọc trai”) có khả năng khống chế Vịnh Bengal.

Trung Quốc đã và đang là nguồn tài trợ chính cho việc xây dựng các cơ sở hạ tầng lớn tại Mianma, trong đó có các cảng biển, tuyến đường sắt và các đường ống dẫn dầu hỏa. Trong các dự án đó có dự án xây dựng cảng nước sâu Kyaukpyu và đường ống vận chuyển dầu khí từ cảng Sittwe (đều ở bang Rakhine) tới Côn Minh của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc (dài hơn 2.000 km). Thêm vào đó, cảng bốc dỡ dầu thô dưới nước sâu và cơ sở chứa dầu cũng đang được xây dựng dưới sự tài trợ của Trung Quốc tại đảo Maday để làm điểm dừng cuối cho các tàu chở dầu từ Tây Á và châu Phi tới. Các cơ sở hạ tầng năng lượng này sẽ giúp Trung Quốc tiếp cận nhanh, rẻ và an toàn hơn con đường đi qua eo biển Malacca, nhất là đến các tỉnh Tây Nam của Trung Quốc. Hơn nữa, Trung Quốc cũng đang tích cực thực hiện dự án xây dựng tuyến đường bộ cao tốc chạy từ Vân Nam đến Myitkyina và tuyến đường sắt cao tốc từ Lhasa, Tây Tạng đến

Muse thuộc bang Shan của Mianma và từ Muse đi sâu vào lục địa Mianma ra tới Vịnh Bengal. Hai tuyến giao thông này nằm trong chiến lược “một trục hai cánh” của Trung Quốc, sẽ giúp Trung Quốc đảm bảo an ninh dầu khí cho mình.

Như vậy, có thể thấy chính sách “ngoại giao dầu khí” một mặt giúp Trung Quốc giải quyết được cuộc khủng hoảng về năng lượng, bảo đảm nhịp độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mặt khác, nó cũng mở rộng phạm vi ảnh hưởng của Trung Quốc, đồng thời làm suy yếu tiến trình liên kết của SNG và do đó sẽ hạn chế vai trò của Nga ở châu Á. Đây cũng là một giới hạn trong quá trình phát triển quan hệ Trung - Nga trong thời gian tới. Có một điều đáng lưu ý nữa là Trung Quốc triển khai chính sách “ngoại giao dầu khí” theo phương thức liên kết, cân bằng quyền lực với mục tiêu xác lập vai trò lãnh đạo của Trung Quốc trong quan hệ quốc tế ở Trung Á. Quan hệ Trung Quốc với Pakixtan vốn đã nòng ắm trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, nay lại có thêm động lực phát triển. Trung Quốc đã cho phép Pakixtan được quyền sử dụng đường cao tốc Karakoran, một đường bộ trực tiếp chạy qua Trung Quốc đến Trung Á, để buôn bán với Trung Á. Đây cũng là một nhân tố quan trọng xúc tác cho sự ra đời của dự án đường ống dẫn dầu Tuốcmênixtan - Ápganixtan - Pakixtana Trung Quốc và Ấn Độ cũng đã ký kết bản ghi nhớ về hợp tác dầu khí giữa hai nước. Bản ghi nhớ này đóng vai trò quan trọng trong kế hoạch của Trung Quốc nhằm xây dựng đường ống dài trên 2.000 km từ Trung Á về Tân cương.

3. Chính sách ngoại giao dầu khí của Mỹ

Đối với Washington, ngoại giao dầu khí là ngoại giao sức mạnh, ưu tiên số một là kiểm soát các nguồn cung dầu khí thông qua can thiệp quân sự, đồng thời hạn chế các đối thủ cạnh tranh tiếp cận các nguồn dầu khí đã được Mỹ kiểm soát. Trên thực tế, Mỹ từng bước củng cố việc tiếp cận và nắm giữ một số khu vực dầu khí quan trọng nhất của thế giới ở Trung Đông, Bắc Phi, Bắc Mỹ và Trung Á. Đồng thời không ngừng mở rộng và bảo đảm an ninh hệ thống đường ống dẫn dầu trên thế giới; cảnh báo các quốc gia, trong đó có Trung Quốc, không nên quan hệ với các quốc gia “có vấn đề” (nhưng nhiều dầu) như Iran, Xudăng, Vê-nê-xuê-la...; chủ trương chống việc Tập đoàn dầu khí hải ngoại Trung Quốc (CNOOC) mua lại Tập đoàn dầu khí Unocal của Mỹ, tìm mọi cách cản trở

Nga lập đặt đường ống dẫn dầu từ biển Siberia cho Trung Quốc, hay ủng hộ Nhật Bản trong việc tranh chấp nguồn dầu lửa với Trung Quốc ở trên biển.

Cũng giống như Trung Quốc, Mỹ đang thực hiện chính sách “ngoại giao dầu khí” ở Trung Á gắn liền với cân bằng quyền lực. Iran là một tuyến giao thông quan trọng đối với Trung Á và Caspado vì có chung đường biên giới với Tuôcmênixtan, Grudia và Adécbaigian. Mối quan hệ chặt chẽ giữa Nga và Iran đang cản trở ý đồ bành trướng của Mỹ ở Trung Á. Bởi vậy, Mỹ đang sử dụng chính sách “ngoại giao dầu khí” để tăng cường sự có mặt về kinh tế ở Iran và tách dần Iran ra khỏi Nga. Một mũi tên trúng hai đích vì như vậy, đồng thời Mỹ có thêm cơ hội phát huy ảnh hưởng, ở Trung Á. Mỹ và Trung Quốc đều có lợi ích dầu khí ở Trung Á cả hai đều không muốn Nga độc quyền ảnh hưởng và chi phối khu vực này nên đang cạnh tranh ráo riết với Nga.

Bởi vậy, theo Brzezinski, lệnh cấm vận của Mỹ đối với Iran là một điều ngớ ngẩn vì nó đẩy Iran gần bó hơn với Nga. Hơn nữa, trên thực tế các công ty của châu Âu, đặc biệt là của Anh, cũng đã bất chấp lệnh này, tăng cường quan hệ kinh tế với Iran, sử dụng lãnh thổ của Iran để vận chuyển dầu khí ra khỏi khu vực Trung Á. Trước thực tế đó Mỹ đã nhiều lần phải điều chỉnh chính sách và sửa đổi quy chế trừng phạt đối với Iran. Theo điều khoản sửa đổi này công ty Mỹ chỉ phải báo cáo với Bộ Tài chính Mỹ các hoạt động về dầu khí trị giá mỗi quý từ 1 triệu USD trở lên. Điều này cũng có nghĩa là các công ty Mỹ có quyền tham gia hợp đồng khoảng 1 triệu USD tại Iran mà không vi phạm lệnh cấm vận của Mỹ. Theo lôgic suy đoán, điều phải xảy ra đã xảy ra. Ngày 17-1-2016, Mỹ và phương Tây đã chính thức dỡ bỏ lệnh trừng phạt áp đặt lên Iran theo thỏa thuận hạt nhân giữa Iran và phương Tây. Người Iran rất vui mừng và háo hức chuẩn bị đón chào sự kiện này vì lệnh cấm vận, đặc biệt là cấm vận xuất khẩu dầu của Mỹ và phương Tây được dỡ bỏ.

Hiện tại, hợp tác và cạnh tranh Trung - Nga ở Trung Á đang thúc đẩy Mỹ hoạt động ráo riết hơn. Công ty Năng lượng Unocal của Mỹ đóng góp 46,5% vốn cho dự án đường ống dẫn dầu sang Pakixtan của Tuôcmênixtan đang ngày càng hoạt động tích cực để ngăn chặn xu hướng này. Giữa Mỹ, Nga và các nước đồng minh của hai nước như Thổ Nhĩ Kỳ, Grudia, Latvia, Udobêkixtan, Cadácxtan và Curoguxtan đã có những cuộc tập trận chung mang tên

CENTRAZBAT tại lãnh thổ của Uđobêkixtan và Cadắcxtan Mục đích thực sự của cuộc tập trận chính là khẳng định sự có mặt về quân sự của Mỹ ở Trung Á. Bên cạnh đó, đã có những cuộc họp của các chuyên gia quân sự NATO, Uđobêkixtan, Cadắcxtan và Curoguxtan để xem xét kết quả cuộc tập trận gìn giữ hòa bình đã nêu. Qua đây, Mỹ có thể khẳng định mối quan hệ chặt chẽ hơn giữa Mỹ với Liên minh Trung Á. Liên minh này được thành lập với ba thành viên là Cadắcxtan, Uđobêkixtan và Curoguxtan. Sau đó, Tátgikixtan và Tuócmênixtan đã gia nhập liên minh này. Ý đồ chiến lược của Mỹ là lợi dụng mâu thuẫn Nga - Trung Á cùng những nhu cầu cấp thiết về đầu tư và thương mại của các nước Trung Á để bành trướng ảnh hưởng, hạn chế, làm suy yếu dần vai trò của Nga ở khu vực này. Đồng thời cũng phải thấy rõ lợi ích dầu khí của Mỹ ở đây. Đằng sau sự mở rộng của NATO và tăng cường liên kết giữa NATO với Liên minh Trung Á là quan tâm hàng đầu của Mỹ về dầu mỏ ở vùng Caxpi cùng các tuyến dẫn dầu từ đó sang phương Tây.

Cũng như Trung Quốc, hiện Mianma đang trở thành nhân tố quan trọng trong chính sách ngoại giao dầu khí của Mỹ. Mỹ có lợi ích không nhỏ ở Mianma, nhất là về lợi ích chiến lược bởi lẽ Mianma là thành viên của ASEAN, tiếp giáp hai nước lớn đang trỗi dậy là Trung Quốc và Ấn Độ, lại nằm trên bờ Ấn Độ Dương với nhiều quần đảo lớn ngoài khơi có khá nhiều dầu khí, nơi có các tuyến đường thương mại hàng hải trọng yếu nối với Thái Bình Dương qua eo biển Malacca và hệ thống quân sự ven biển của Mỹ ở châu Á, chạy dài từ Vịnh Pecxích qua Biển Đông đến bán đảo Triều Tiên đã và đang là mối quan tâm lớn của Mỹ. Nếu như có ảnh hưởng lớn ở nước này, Mỹ sẽ có lợi thế hơn trong chiến lược “kiểm soát” sự trỗi dậy của Trung Quốc và Ấn Độ, duy trì cân bằng chiến lược của Mỹ ở châu Á và duy trì vị thế nổi trội của Mỹ trong bàn cờ địa chính trị thế giới hiện có. Ở mức độ hẹp hơn, quan hệ Mỹ - Mianma tốt hơn sẽ có lợi cho Mỹ trong việc khai thác tài nguyên tại nước này, nhất là nguồn dầu khí, thúc đẩy các dự án hợp tác chiến lược với ASEAN và Ấn Độ, cũng như có điều kiện tốt hơn trong cải thiện quan hệ với các nước Nam Á khác và với các nước thuộc thế giới Arập.

Song song với việc cạnh tranh lợi ích với các nước khác, Mỹ đặt trọng tâm chiến lược vào việc duy trì một thị trường dầu mỏ ổn định. Để phục vụ mục

tiêu này, Washington đã dùng nhiều biện pháp, kể cả can thiệp quân sự. Đằng sau sự hiện diện của quân đội Mỹ tại Irắc, hay kế hoạch; “Đại Trung Đông” là cái đích nhằm kiểm soát “miếng mồi ngon” cho nền kinh tế Mỹ. Ngoài rón dầu không lồ đó, Mỹ không ngừng để mắt tới vùng Trung Á khi giương cao ngọn cờ chống khủng bố, khi đưa quân vào Ápganixtan, nhằm sử dụng đất nước này làm bàn đạp để mở rộng phạm vi ảnh hưởng của Mỹ ra toàn khu vực có đường biên giới chung với Nga. Như vậy, giữ vai trò “chiến lược kép” trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, nguồn “vàng đen” đã và đang làm biến động bản đồ chính trị thế giới. Không chỉ gây xung đột lợi ích, nó còn là nguyên nhân sâu xa của nhiều cuộc chiến đẫm máu. Dù thế nào thì trạng thái đối đầu không thể mang lại lợi ích chung. An ninh dầu khí chỉ có thể được đảm bảo thực sự trong một thế giới hòa bình và ổn định.

4. Chính sách ngoại giao dầu khí của Nga

Trong hơn một thập niên đầu thế kỷ XXI, xuất phát từ những thành công cũng như thất bại của chính sách đối ngoại Nga thời Tổng thống tiền nhiệm B. Yeltsin, Nga đã xác định mục tiêu cơ bản trong chính sách đối ngoại là:

“Bảo đảm an ninh vững chắc cho đất nước, bảo vệ và củng cố chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Nga, cũng như những địa vị của Nga trong cộng đồng quốc tế; tạo môi trường quốc tế thuận lợi để nước Nga phát triển nhanh chóng, thúc đẩy nền kinh tế trong nước”. Trong bối cảnh đó, đẩy mạnh ngoại giao dầu khí được xem là một bộ phận hết sức quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nga, bởi lẽ Nga đang sở hữu nguồn khí đốt lớn nhất thế giới với trữ lượng có thể khai thác chiếm tới 34% tổng lượng của thế giới và có trữ lượng dầu mỏ lớn thứ hai toàn cầu, với trữ lượng có thể khai thác chiếm 13% tổng lượng của thế giới. Đến tháng 5-2007, Nga đã là nước sản xuất dầu lửa lớn thứ hai sau Arập Xêút và sản xuất khí đốt lớn nhất thế giới.

Hơn nữa, Nga có vị trí địa chiến lược đặc biệt và quan trọng khi có lãnh thổ trải dài trên cả lục địa châu Âu và châu Á, án ngữ giữa hai bờ Đại Tây Dương và Thái Bình Dương; đồng thời có hai nguồn dầu khí chính, một ở biển Caxpi - dễ dàng cung cấp cho thị trường châu Âu, một ở Siberia - thuận tiện cung cấp cho các nước châu Á, hai thị trường dầu khí lớn nhất thế giới. Theo

nhận định, đây là vị trí khá thuận lợi để triển khai các hoạt động ngoại giao dầu khí bởi đó là “vị trí bản lề, trung tâm chuyên tiếp năng lượng quốc tế”.

Trong cách nhìn của Nga, ngoại giao dầu khí có nghĩa là thông qua các hoạt động trên lĩnh vực xuất nhập khẩu, vận chuyển dầu khí với các nước để làm cơ sở giúp Nga tối đa hóa lợi ích quốc gia. Nhiệm vụ trọng tâm của ngoại giao dầu khí Nga là thúc đẩy tiến trình ngoại giao nước lớn, nghĩa là phục hưng địa vị nước lớn của Nga trong hệ thống chính trị toàn cầu như đã được chính thức tuyên bố “dầu khí là công cụ chính, là lý lẽ mạnh nhất trong tay chúng ta trong nền chính trị hiện nay và là yếu tố cơ bản trong hoạt động ngoại giao nhằm tăng cường vị trí của Nga trên trường quốc tế”. Đây vừa là mục tiêu, công cụ vừa là sân chơi quan trọng để Nga bảo vệ lợi ích quốc gia.

Nhờ thế mạnh sản xuất dầu khí của mình cũng như sự lệ thuộc vào nguồn dầu khí của các cường quốc trên thế giới, Nga đã nhận thức được tầm quan trọng của mình trong hoạt động hợp tác xuất khẩu dầu khí, đẩy mạnh các mối liên hệ chặt chẽ với những nước sản xuất dầu lửa và khí đốt, thực hiện mục tiêu tập hợp lực lượng dựa trên phương diện dầu mỏ và khí đốt. Nói cách khác, cầu nối¹ dầu khí tạo cơ sở cho Nga điều chỉnh, củng cố quan hệ với các nước, như đưa quan hệ hợp tác với Trung Quốc trở nên thực chất và hiệu quả hơn, tháo gỡ cục diện chính trị bế tắc với Nhật Bản và nâng cao ảnh hưởng chính trị tại châu Á - Thái Bình Dương. Có thể nói, thông qua xuất khẩu dầu khí, Nga có thể xuất khẩu cả vị thế và ảnh hưởng của mình ra thế giới.

Khác với thời Liên Xô, ngoại giao dầu khí của Nga ngày nay không chỉ chú trọng vào việc sử dụng sức mạnh dầu khí như một nước cờ chính trị - ngoại giao, mà còn hướng đến mục tiêu đa dạng hóa nguồn dự trữ dầu khí của mình để phục vụ xuất khẩu. “Nga sở hữu nguồn tài nguyên dầu khí dồi dào, nhưng theo kết quả thăm dò, hơn 70% trữ lượng khí đốt của Nga tập trung ở vùng Urals - Tây Siberia và hơn 4/5 trữ lượng dầu lửa ở Siberia. Điều này gây nhiều trở ngại cho quá trình khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá này và do đó, phần nào làm giảm sức mạnh công cụ dầu khí của Nga. Nhằm khắc phục hạn chế,

¹Thu nhập từ việc bán dầu khí ra nước ngoài chưa đầy 50 tỷ USD năm 1998 tăng lên 350 tỷ USD năm 2006 (xem thêm Debra I Johnson: “EU - Russian Energy Links: A Marriage of Convenience?”, I Government and Opposition, Blackwell Publishing, UK and us, j 2007, tr. 266).

Nga thúc đẩy ngoại giao dầu khí kết hợp với việc đẩy mạnh buôn bán vũ khí và tích cực đầu tư, viện trợ cho các quốc gia giàu dầu khí ở Trung Á, Trung Đông, châu Phi, Nam Mỹ. Đây được xem là con đường để Nga mang về nguồn cung năng lượng mới, bổ sung cho lượng dầu khí xuất khẩu của mình.

Với khu vực châu Á đang trong cơn đói năng lượng, trọng điểm ngoại giao năng lượng Nga là tích cực xây dựng quan hệ hợp tác năng lượng ổn định lâu dài với các đối tác khu vực nhằm đa dạng hóa thị trường tiêu thụ năng lượng cũng như thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đường ống dẫn để vận chuyển thuận tiện hơn. Ngay từ những năm đầu cầm quyền của Tổng thống Putin, Nga đã đẩy mạnh đàm phán hiệp định cung cấp năng lượng và thảo luận những dự án xây dựng đường ống mới. Nga dùng vấn đề dầu khí như một “vũ khí chiến lược thường bàn, phạt thù”. Hành động này không chỉ được Kreml thi hành đối với các nước láng giềng ở thế yếu hơn mà còn áp dụng cả với các nước lớn trong EU. Ví như trong khi các nước SNG thân Nga đều được hưởng ưu đãi giá dầu khí cũng như đầu tư xây dựng các đường ống dẫn, thì các nước trước đây thuộc Liên Xô không tuân theo yêu cầu của Nga hoặc thực hiện chính sách ưu tiên quan hệ với phương Tây đều bị trừng phạt, mà trường hợp Ucraina đã bị tăng giá khí đốt là một ví dụ.

Do cả Mỹ và Trung Quốc đều không muốn Nga độc quyền ảnh hưởng và chi phối khu vực Trung Á nên cả hai nước này đang cạnh tranh ráo riết với Nga. Đây cũng chính là một trong những đòn bẩy thúc đẩy quan hệ Nga - Nhật, Nga - Pháp, Nga - Đức, Nga - Iran, Nga - Ấn Độ. Trò chơi cân bằng quyền lực vẫn còn đầy sức hấp dẫn, nhưng chưa bao giờ Nga lại lâm vào thế bất lợi như hiện nay ở khu vực Trung Á. Bởi vậy, kịch bản tốt nhất cho Nga là tăng cường liên minh Nga - Bêlarút - Cadắcxtan - Curoguxtan, củng cố các thành viên thuộc khối SNG với hạt nhân liên kết là Nga, không để Liên minh Trung Á xa rời dần Mátxcova và ngã về phương Tây hay một đối tác nào đó.

Khi cuộc khủng hoảng Ucraina xảy ra, nhất là khi giá dầu giảm mạnh và tác động tiêu cực lên nền kinh tế Nga, một trong những hướng đi của Nga để giải quyết khó khăn về kinh tế là hướng tới liên minh với Trung Quốc. Theo đó, Tổng thống Putin nhấn mạnh, Nga và Trung Quốc kết nối với nhau không chỉ bởi các nguồn năng lượng của Nga, mà thông qua cả khả năng tài chính của

Trung Quốc. Nga và Trung Quốc đều là các thành viên lớn trong thương mại và đầu tư quốc tế, nhưng Trung Quốc vẫn chiếm nhiều ưu thế hơn. Tuy nhiên, có một điều chắc chắn là Trung Quốc quan tâm đến nguồn năng lượng của Nga. Năm 2014 chứng kiến một bước nhảy vọt trong phát triển quan hệ tương tác Trung - Nga trên lĩnh vực năng lượng với việc hai nước đã ký kết hợp đồng không lò về khí đốt và đạt được thỏa thuận về xây dựng đường ống dẫn khí đốt “Sức mạnh Siberia”, điều mà Mỹ hoàn toàn không muốn .

Trước thực trạng kinh tế Trung Quốc và kinh tế thế giới, Nga cho rằng, nền kinh tế hai nước đang đứng trước những thách thức và cơ hội phát triển mới, nên hợp tác song phương sẽ góp phần tích cực thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ và nhanh chóng của kinh tế hai nước. Theo đó, Nga cần có chính sách ngoại giao dầu khí khôn khéo. Nga có thể trở thành một vùng cung cấp nhiên liệu, nhất là dầu khí cho Trung Quốc. Tuy nhiên, có một điều cần phải lưu ý là nước Nga ở Viễn Đông không chỉ hướng tới Trung Quốc mà còn hướng đến tất cả các nước khác trong khu vực này. Nhưng dù sao đi chăng nữa thì Trung Quốc vẫn là đối tác chính của nước Nga, bởi ngày nay kinh tế Trung Quốc đã đuổi kịp Mỹ nếu tính theo sức mua ngang giá (PPP), và Nga cần hướng tới một thị trường giàu có như vậy. Đồng thời, hai bên đã thỏa thuận cùng nhau phát triển hợp tác khoa học - kỹ thuật, bao gồm cả lĩnh vực điện hạt nhân trên cơ sở đóng góp đồng đều về tài chính và khoa học.

Sau khi hàng loạt các mối quan hệ kinh tế với phương Tây bị gián đoạn, chính quyền Nga ngày càng hướng sang phía Đông, mà trước tiên là với Trung Quốc, để tìm kiếm nguồn tài chính và thị trường thay thế. Nga và Trung Quốc đã ký hiệp định hoán đổi tiền tệ song phương. Đây là một bước phát triển trong chính sách cải cách và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế Nga sau những dấu hiệu suy thoái, đồng thời là một trong những yếu tố chính mà Mátxcova dùng để chống lại các biện pháp trừng phạt của Mỹ và phương Tây. Đây cũng là một đòn giáng mạnh vào sự thống trị của đồng đôla Mỹ đối với nền kinh tế toàn cầu, khiến Nga và Trung Quốc dần loại bỏ ảnh hưởng của đồng đôla Mỹ trong quá trình phát triển của cả hai nước.

Tuy nhiên, Phó Giám đốc Viện Kinh tế (thuộc Viện Hàn lâm khoa học xã hội Nga) Svetlana Glinkina cho rằng, có thể khi quan hệ với phương Tây gặp rắc

rồi thì Nga phải chuyển hướng sang phía Đông. Song Nga nhận thức được rằng Trung Quốc luôn tiến hành chính sách ngoại giao dầu khí khôn ngoan trong việc đa dạng hóa các nguồn cung dầu khí và tranh thủ tối đa các diễn biến bất thường trên thị trường dầu khí để có thể hưởng lợi cao nhất (mà việc Công ty Sinopec của Trung Quốc vừa thực hiện thương vụ mua dầu của Mỹ ngày 14-1-2016 là một ví dụ). Chính vì vậy, một bộ phận trong giới thượng lưu Nga đang bị đè nặng bởi tâm lý này. Đối với họ, Trung Quốc là đất nước hoàn toàn xa lạ, ít hấp dẫn, một cường quốc với số dân đông nên cần phải cảnh giác. Các học giả Nga nghiên cứu về Trung Quốc cho rằng, mặc dù Chính phủ Nga đã tuyên bố tăng cường chính sách ngoại giao dầu khí với Trung Quốc, nhưng hiện giờ Trung Quốc ít quan tâm tới Nga vì Trung Quốc cho rằng mối quan hệ với Mỹ còn quan trọng hơn nhiều.

Tạp chí Diễn đàn đầu tư dẫn lời Phó Chủ tịch Ngân hàng Nga VTB Yuri Soloviev, phần lớn các ngân hàng Trung Quốc không giao dịch liên ngân hàng với Nga, cũng như đang xem xét giảm mức độ tham gia vào các thương vụ giao dịch quốc tế. Lập trường nước đôi của Trung Quốc đối với ngân hàng Nga sau khi Mỹ và Liên minh châu Âu áp lệnh trừng phạt là sự trì hoãn mở rộng hợp tác song phương. Động thái này của các ngân hàng Trung Quốc trái ngược hẳn với những tuyên bố của Bắc Kinh năm 2014, khi nhiều ngân hàng Mỹ và châu Âu ngừng giao dịch với Nga dưới tác động của lệnh trừng phạt. Đến thời điểm này, Bắc Kinh đã bộc lộ rõ thái độ với các ngân hàng Nga dưới sức ép từ các lệnh trừng phạt của phương Tây, về phía Nga, những tuyên bố của lãnh đạo ngân hàng Nga cũng như những phân tích của truyền thống Nga trước đó cho thấy họ không khó nhận ra những toan tính của Trung Quốc. Do vậy, theo Giáo sư Svetlana Glinkina, Nga cần phải thận trọng trong chính sách ngoại giao dầu khí với Trung Quốc.

Trong chính sách ngoại giao dầu khí của Nga, hướng đi tích cực và hiệu quả là hướng tới các nước OPEC. Ngày 16- 2-2016, bốn nước sản xuất và xuất khẩu dầu chủ chốt của thế giới gồm Nga, Ả-rập Xê-út, Venêxuêla và Cata đã họp tại Doha (Cata) để bàn thảo và phối hợp đi tới nhất trí ấn định mức sản lượng nhằm ổn định giá dầu và thị trường dầu khí toàn cầu, theo đó Nga sẽ sản xuất 10,9 triệu thùng/ngày, Ả-rập Xê-út sản xuất 10,2 triệu thùng/ngày. Các chuyên gia

hy vọng rằng với chính sách ngoại giao dầu khí của Nga và sự hợp tác tích cực của OPEC, giá dầu dần đi vào ổn định.

5. Ngoại giao dầu khí trong các tổ chức quốc tế

Có lẽ ngoại giao dầu khí được thể hiện rõ nhất trong OPEC bởi lẽ các nước thành viên OPEC phải đàm phán với nhau, đồng thời chính OPEC còn phải đàm phán với các nước sản xuất và xuất khẩu dầu ngoài OPEC trong việc điều chỉnh hạn ngạch khai thác dầu mỏ của các nước thành viên OPEC và các nước ngoài OPEC để qua đó có khả năng khống chế giá dầu. Hội nghị các bộ trưởng phụ trách năng lượng và dầu mỏ thuộc OPEC được tổ chức mỗi năm hai lần nhằm đánh giá thị trường dầu mỏ và đề ra các biện pháp phù hợp để bảo đảm việc cung cấp dầu. Bộ trưởng các nước thành viên luân phiên làm chủ tịch của tổ chức mỗi nhiệm kỳ hai năm. Điều đó có nghĩa là mục tiêu thật sự của chính sách ngoại giao dầu khí của OPEC là dựa vào việc thống nhất phân bổ hạn ngạch cho các thành viên và các nước ngoài OPEC để điều chỉnh lượng khai thác dầu, tạo ra khan hiếm hoặc dư dầu giả tạo nhằm thông qua đó có thể tăng, giảm hoặc giữ giá dầu ổn định.

Bên cạnh đó, có lẽ OPEC còn muốn liên kết với các nước xuất khẩu dầu khác ngoài OPEC để chống Mỹ và phương Tây. Ví như quan hệ hợp tác giữa OPEC và Nga là để ủng hộ lập trường thế giới đa cực và đối trọng với sức ép từ Mỹ. Theo ông Ed Blanche thuộc Viện Nghiên cứu chiến lược quốc tế London, thực tế Mỹ ngày càng gia tăng sức ép đòi chính quyền Ả-rập Xê-út cải cách sau cuộc chiến Iraq năm 2003 đã buộc Ả-rập Xê-út phải tìm cách xích lại gần Nga để cân bằng chiến lược đối ngoại của mình.

Phản ứng trước tình hình giá dầu suy giảm, ngày 27-11-2014, tại Thủ đô Vienna của Áo, 12 bộ trưởng của OPEC đã quyết định không cắt giảm sản lượng khai thác. Có ý kiến cho rằng OPEC đã phối hợp với Mỹ cố tình làm cho giá dầu tiếp tục giảm để làm thị phần dầu khí của Nga trên thị trường thế giới bị thu hẹp lại, làm suy yếu nước Nga. Nhưng cũng có nhận định cho rằng, bằng quyết định này, các nhà lãnh đạo OPEC đã chính thức nổ súng tuyên chiến với Mỹ trên thị trường dầu mỏ thế giới. Với giá dầu giảm tới mức 30 USD/thùng và nếu giữ giá thấp như vậy một thời gian đủ dài, nó sẽ là đòn quyết định bóp chết hầu hết các doanh nghiệp khai thác dầu đá phiến của Mỹ và khiến ngành công

ngành mới này của Mỹ sẽ phải cần một thời gian dài để hồi phục. Cho dù là nhằm mục đích chống Mỹ hay chống Nga, thì đây được coi là ngón đòn hiểm đầu tiên mà OPEC giáng vào Nga hay Mỹ trong cuộc chiến mà theo họ là không cân sức. Một khi khả năng khai thác dầu đá phiến bị bóp chết, OPEC sẽ thu tóm thêm nhiều thị phần của thị trường dầu thô thế giới, đồng thời khiến giá dầu tăng trở lại, một mũi tên trúng hai đích của các nhà lãnh đạo OPEC.

Có thể coi OPEC như là một liên minh độc quyền luôn tìm cách hợp tác và thông nhất về chính sách dầu mỏ giữa các thành viên với nhau và với các nước sản xuất dầu khác ngoài OPEC để bảo đảm bình ổn giá hợp lý cho các nước sản xuất dầu mỏ; cung cấp lượng dầu mỏ thường xuyên và có hiệu quả kinh tế cao cho các nước tiêu thụ dầu; thu hồi vốn nhanh và hợp lý cho những ai đầu tư vào ngành công nghiệp này cũng như tìm cách cung cấp dầu cho người tiêu dùng với giá cả hợp lý. Tuy nhiên, nhiều biện pháp được đề ra lại có động cơ bắt nguồn từ quyền lợi quốc gia, ví dụ như trong các cuộc khủng hoảng giá dầu tăng, OPEC chẳng những không tìm cách hạ giá dầu, mà còn duy trì giá cao trong thời gian dài; OPEC can thiệp mạnh mẽ hơn khi chủ động công bố cắt giảm sản lượng trước như là một đòn đánh phủ đầu, nhằm “dập tắt” xu hướng giá dầu sụt giảm; hay như cuộc khủng hoảng giá dầu giảm hiện nay, OPEC không những không tìm cách tăng giá dầu mà lại duy trì giá thấp trong thời gian dài để tiêu diệt đối thủ, tăng thị phần của bản thân các nước thành viên bất chấp quyền lợi của các nước khác và quyền lợi chung. Để làm được điều này, OPEC thỉnh thoảng tự động giảm sản lượng nhưng đôi khi lại tăng sản lượng để bù vào nguồn cung cấp bị thiếu hụt, chẳng hạn như cuộc chiến tranh Vùng Vịnh năm 1990, khi thị trường đột nhiên mất đi hàng triệu thùng dầu từ Irắc và Côoét.

Không những đóng vai trò quan trọng với từng quốc gia và OPEC, dầu khí còn trở thành vấn đề quan trọng đối với các hội nghị mang tính khu vực và quốc tế. Trong những năm gần đây, tại các cuộc họp thường niên của các tổ chức quốc tế, vấn đề dầu khí và giá dầu đã trở thành nội dung nghị sự chính của các nước trong nhóm G8 và các hội nghị quốc tế khác. Trong cuộc họp tại St; Petersburg (Nga) ngày 16-7-2006, an ninh dầu khí đã trở thành vấn đề được các nước thành viên quan tâm nhất. Trong cuộc họp ngày 7-6-2008 diễn ra tại Aomori, Nhật Bản, năm nước sử dụng năng lượng lớn là Mỹ, Trung Quốc, Ấn

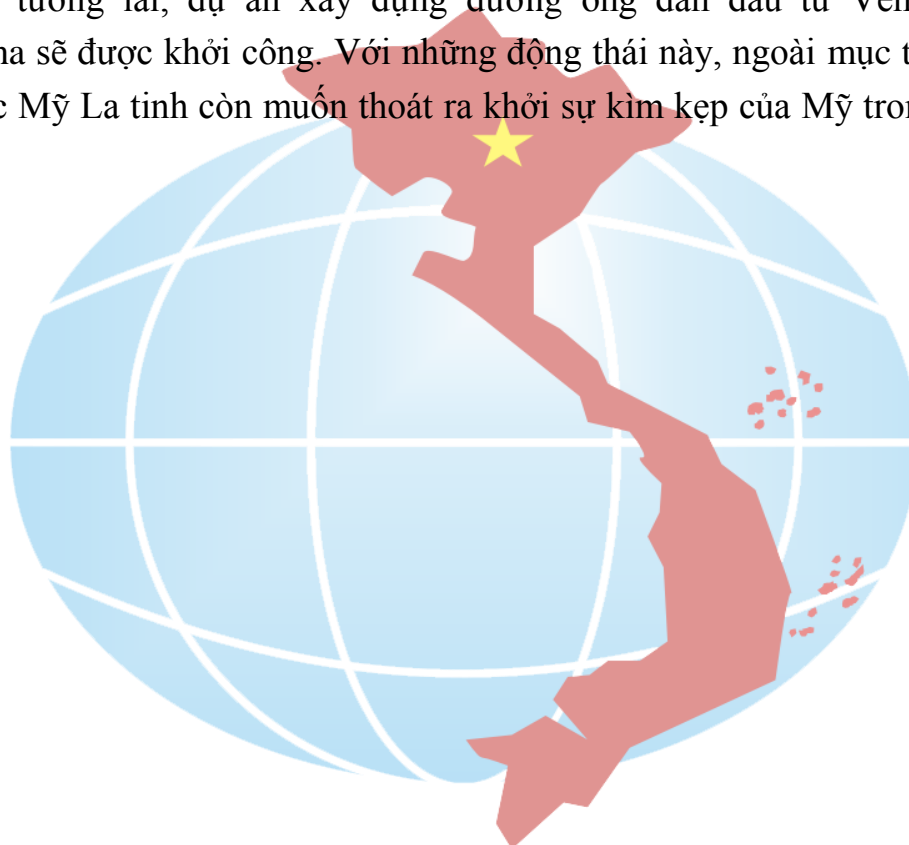
Độ, Nhật Bản và Hàn Quốc yêu cầu các nước sản xuất dầu tăng sản lượng để kiểm soát giá dầu.

Các tổ chức mang tính khu vực khác thì bổ sung vấn đề an ninh dầu khí, giá dầu và hợp tác trong lĩnh vực dầu khí vào chương trình hoạt động của mình. Với vị trí là khu vực có tốc độ phát triển kinh tế thuộc loại cao ở châu Á, trong những năm gần đây, các nước thành viên ASEAN đã xem dầu khí và an ninh dầu khí là vấn đề quan trọng hàng đầu trong chiến lược phát triển toàn diện của mình. Sự quan tâm này đã được thể hiện rõ nét qua Hiệp định an ninh dầu khí ASEAN (APSA).

Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) đã đưa an ninh dầu khí trở thành vấn đề cần hợp tác giữa các nước thành viên. Năm 2000 “Sáng kiến an ninh năng lượng APEC” (AESI) đã được các nước thành viên thông qua với bốn nội dung chính: (i) chia sẻ thông tin về tình hình dầu khí; (ii) đảm bảo an ninh vận tải đường biển; (iii) chia sẻ thông tin trong các trường hợp khẩn cấp; (iv) đáp ứng trong các trường hợp khẩn cấp về năng lượng và những kế hoạch dài hạn. Khối APEC đã thành lập nhóm công tác về năng lượng để theo dõi, điều phối vấn đề năng lượng và dầu khí trong các nước thành viên. Ngoài ra, Hội nghị Bộ trưởng năng lượng các nước thành viên APEC cũng diễn ra thường xuyên để trao đổi thông tin và tìm ra giải pháp cho vấn đề hợp tác trên lĩnh vực năng lượng và dầu khí. Để thực hiện được mục tiêu của ngoại giao dầu khí, các nước có nhu cầu lớn về dầu khí đã sử dụng các nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA) làm công cụ để thu hút các nước có trữ lượng lớn nhưng nền kinh tế còn chậm phát triển. Thái độ của Trung Quốc đối với châu Phi là một điển hình. Những mỏ dầu có trữ lượng lớn được phát hiện ở châu Phi những năm gần đây làm cho cả thế giới đổ dồn sự quan tâm tới châu lục này sau một thời gian dài bị quên lãng.

Trong bối cảnh thế giới có nhiều mối quan hệ đan xen lẫn nhau như hiện nay, thì dầu mỏ và khí đốt đã làm xuất hiện và tập hợp các lực lượng mới, hình thành quan hệ đối tác chiến lược và những liên minh kinh tế - chính trị trên thế giới. Hiện nay, ngoài OPEC, nền chính trị thế giới đang dần hình thành những liên minh kinh tế - chính trị mới mà dầu mỏ và khí đốt chính là hạt nhân nối kết. Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (OSCO) bao gồm: Nga, Cadắcxtan, Curoguxtan, Tátgikixtân, Trung Quốc và Udobêkixtan và 4 nước quan sát viên là: Iran,

Pakistan, Mông cổ, Ấn Độ là một ví dụ điển hình. Nếu cộng tất cả trữ lượng dầu mỏ của các nước thành viên thì SCO đang nắm trong tay 25% trữ lượng dầu mỏ và khí đốt toàn cầu, với tỷ lệ này thì SCO hoàn toàn có thể chi phí và tác động đến giá dầu lửa trên phạm vi toàn (Cầu Tầu khu vực Nam Mỹ, Venêxuêla cũng đề xuất thành lập hai liên minh dầu mỏ là PetroCaribe (cho các nước vùng Caribe) và PetroSur (cho khu vực Nam Mỹ). Sự gắn kết này còn được củng cố vì trong tương lai, dự án xây dựng đường ống dẫn dầu từ Venêxuêla đến Áchentina sẽ được khởi công. Với những động thái này, ngoài mục tiêu kinh tế, các nước Mỹ La tinh còn muốn thoát ra khỏi sự kìm kẹp của Mỹ trong một thời gian dài.



TTBD ĐBDC

